

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 75/2025/HSST

Ngày: 18/6/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quang Nhuận,

Bà Đỗ Thị Luyến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Phụng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tình, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 87/2025/TLST-HS ngày 23 tháng 5 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2025/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 6 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Quàng Văn T, sinh ngày 15/5/1995, tại tỉnh Điện Biên; Nơi thường trú: Bản P, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Quàng Văn V (đã chết) và bà Quàng Thị T1; Vợ: Quàng Thị Q, sinh năm 1996; Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2024; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Bị cáo chưa bị kết án, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; tạm giữ ngày 20/02/2025, tạm giam từ ngày 27/02/2025, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên. Có mặt tại phiên tòa.

2. Quàng Văn L, sinh ngày 04/4/1992, tại tỉnh Điện Biên; Nơi thường trú: Bản P, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Quàng Văn H và bà Lò Thị H1; Vợ: Lương Thị T2, sinh năm 1994; Bị cáo có 01 con sinh năm 2024; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Bị cáo chưa bị kết án, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; tạm giữ ngày 19/02/2025, tạm giam từ ngày 27/02/2025, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên. Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Lê Đức T3, sinh năm 1984, Giám đốc Công ty TNHH M1, Ninh Bình. Địa chỉ: Khu đô thị M phố P, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình. Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Tuấn H2, sinh năm 1985 là Giám đốc Công ty TNHH M1 tại Điện Biên. Địa chỉ: Tổ A, phường T, TP ., tỉnh Điện Biên (Theo Giấy uỷ quyền ngày 28/02/2025), vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có nhu cầu tìm việc làm và thăm người thân nên từ khoảng từ giữa năm 2024 đến đầu năm 2025, Nguyễn Minh T4, sinh năm 2004, trú tại tổ B, phường T, thị xã N, tỉnh Yên Bái; Tô Nhật M, sinh năm 2008, trú tại thôn T, xã T, huyện V, thành phố Hải Phòng; Phạm Lê Tiến Đ, sinh năm 2008, trú tại thôn A, xã C, huyện V, thành phố Hải Phòng; Đỗ Thị Hồng H3, sinh năm 2006, trú tại thôn T, xã B, huyện T, thành phố Hà Nội đã liên hệ trực tiếp qua Facebook của Bùi Quang T5, sinh năm 2005, trú tại tổ C, phường C, thị xã N, tỉnh Yên Bái; T6, một người tên “Long Tổng”, sinh năm 1990, nhà ở tỉnh Hưng Yên, hiện đang sinh sống bên Myanmar, mạng xã hội Wechat của một người đàn ông khoảng 30 tuổi, quốc tịch Trung Quốc, hiện đang sinh sống bên Myanmar và được các đối tượng đang cư trú ở Lào, Myanmar sắp xếp đưa đón đến tỉnh Điện Biên sau đó xuất cảnh trái phép từ Điện Biên, Việt Nam sang Lào.

Sáng ngày 18/02/2025, khi đang đi chơi ở huyện M, tỉnh Điện Biên, Quảng Văn T, sinh năm 1995, trú tại bản P, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên nhận được cuộc gọi qua Facebook tên “Thắng Híp” từ một người nam giới quốc tịch Lào, khoảng hơn 50 tuổi, sinh sống bên nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào mà T quen biết từ năm 2020, người nam giới đặt vấn đề thuê T đón Nguyễn Minh T4, Vũ Minh H4 đang nghỉ tại Phòng 404 Nhà nghỉ 555 cùng Tô Nhật M, Phạm Lê Tiến Đ đang nghỉ tại Nhà nghỉ B đưa bốn người này từ thành phố Đ, tỉnh Điện Biên đến Km34 thuộc xã S, huyện N, tỉnh Điện Biên để người bên Lào sang đón, đưa xuất cảnh trái phép sang Lào. Người đàn ông bên Lào nói sau khi người bên Lào nhận người xong, sẽ trả công cho T với số tiền 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng), địa điểm giao nhận người là lối đi ra cửa khẩu phụ Si Pa P, người bên Lào sẽ sang Việt Nam để đón người và đặt cành cây ở ven đường để nhận biết vị trí giao nhận người. T đồng ý và ước tính trừ tiền thuê chở người thì T còn được hưởng lợi khoảng 300 - 400 nghìn đồng. Do không ở thành phố Đ nên T gọi điện cho Quảng Văn L, sinh năm 1992, trú tại bản Pá Cầu, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, là anh họ của T và lái xe hợp đồng của Công ty TNHH M1 tại Điện Biên thuê L đi đón, chở người. T bảo L đi đón 04 người tại 02 nhà nghỉ nêu trên rồi đưa đến Km34 thuộc xã S, huyện N, tỉnh Điện Biên để người bên Lào sang đón những người này xuất cảnh trái phép sang Lào. L đồng ý. Sau đó, T dùng tài khoản Zalo tên “Toàn xe đưa đón” kết bạn với Tô Nhật M để hỏi vị trí M và Đ đang nghỉ.

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 18/02/2025 Quảng Văn L không thông báo cho Công ty M1 mà điều khiển xe ô tô taxi nhãn hiệu Kia Soluto màu xanh, biển kiểm soát 35E-00176 đến Nhà nghỉ E tại tổ D, phường M, thành phố Đ để đón Nguyễn Minh T4, Vũ Minh H4 di chuyển sang nhà nghỉ B cách đó khoảng 50m đón Tô Nhật M, Phạm Lê Tiến Đ. Khi đón đủ 04 người, L thông báo lại cho T biết, T bảo L di chuyển luôn đến Km34, xã S, huyện N. Khi xe của L đi gần đến thị trấn M thì T gọi điện bảo L nghỉ ngơi uống nước, chờ đợi ở thị trấn M, huyện M. Khoảng 02 tiếng sau, T bảo L chở 04 người trên đi tìm quán ăn và thuê nhà nghỉ để nghỉ ngơi, rồi T sẽ thông báo tiếp do người đàn ông bên Lào gọi điện thông báo lực lượng Biên phòng đang đi tuần tra, chưa đi ngay được. Theo chỉ đạo của T, L đã cùng với T4, H4, M và Đ đi ăn tối và thuê Phòng 505 tại Nhà nghỉ N ở thị trấn M, huyện M. T chuyển cho L 1.000.000 đồng để L tạm thanh toán tiền ăn, uống, nghỉ ngơi.

Đến 21 giờ cùng ngày, T nhận được điện thoại của người đàn ông bên Lào bảo sẽ có người Việt Nam nhập cảnh trái phép từ Lào về Việt Nam, qua đường mòn tại khu vực biên giới thuộc xã S, huyện N, người này bảo T khi nào đưa được người xuất cảnh trái phép đến điểm hẹn thì chở luôn người nhập cảnh trái phép từ Lào về thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, Việt Nam, sau khi xong việc người đàn ông bên Lào sẽ trả thêm số tiền 500.000 đồng cùng toàn bộ chi phí đưa, đón người xuất, nhập cảnh trái phép thanh toán bằng hình thức chuyển khoản qua ngân hàng, T đồng ý và thông báo lại cho L để L đón người nhập cảnh trái phép từ Lào về Việt Nam, T cũng nói luôn là sẽ trả công thuê L chở người xuất cảnh trái phép từ Điện Biên, Việt Nam sang Lào dựa trên số tiền hiển thị trên đồng hồ tính tiền đặt trên xe taxi của L và trả thêm chi phí cho L nhưng không nói cụ thể là bao nhiêu tiền, L đồng ý vì theo như L dự tính, sau khi trừ các chi phí phải nộp cho Công ty M1 thì L được hưởng số tiền công khoảng 300.000 đồng kèm thêm các chi phí khác mà T hứa chi trả. Khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày 18/02/2025, người đàn ông bên Lào gọi cho T và bảo đưa Đỗ Thị Hồng H3 xuất cảnh trái phép từ Việt Nam sang Lào cùng T4, H4, M và Đ. T đã gửi mã QR Zalo của T có tên “Toàn xe đưa đón” cho người đàn ông bên Lào để người này gửi cho H3. T liên lạc để hướng dẫn việc đi lại cho H3. Khoảng 23 giờ cùng ngày, H3 đến ngã ba thị trấn M, T gọi điện bảo L lái xe taxi ra đón H3.

Đến 02 giờ sáng ngày 19/02/2025, T nhận điện thoại của người đàn ông bên Lào bảo T chở người đến điểm hẹn nên T gọi điện bảo L chở người đi. Quá trình di chuyển T liên tục gọi điện thoại qua Facebook và thuê bao di động cho L để cập nhật tình hình và dặn L là đoạn đường nào có cảnh cây đặt ở ven đường thì dừng lại, đó là điểm hẹn giao nhận người từ Việt Nam xuất cảnh trái phép sang Lào và nhận người từ Lào nhập cảnh trái phép vào Việt Nam. Trên đường đi đến K thuộc xã S, huyện N, L điều khiển xe ô tô rẽ trái và đi về hướng cửa khẩu phụ Si Pa P, T bảo L di chuyển chậm, tìm chỗ nghỉ ngơi, khi nào T gọi thì đi tiếp. Khi L chở T4, H4, M, Đ, H3 đi đến khu vực bản N, xã S, huyện N, tỉnh Điện Biên, L bị tổ công tác Đoàn Biên phòng S1, Bộ chỉ huy Bộ đội Biên Phòng tỉnh Điện Biên phối hợp với Phòng C1, Phòng PA09, Công an tỉnh Điện

Biên phát hiện, bắt quả tang. Sau khi biết L bị bắt, ngày 20/02/2025, T đến Cơ quan An ninh điều tra, Công an tỉnh Điện Biên đầu thú về hành vi phạm tội của mình.

Cáo trạng số 37/CT-VKS-P1 ngày 20/5/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên truy tố các bị cáo Quảng Văn T, Quảng Văn L về tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 348 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm như sau: Tuyên bố các bị cáo Quảng Văn T, Quảng Văn L phạm tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép.

Đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 348; điểm s, điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 15; Điều 38; khoản 3 Điều 57; khoản 1, 2, 5 Điều 65 BLHS. Đề nghị xử phạt bị cáo Quảng Văn T từ 30 - 36 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 60 tháng.

Đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 15; khoản 3 Điều 57; Điều 38; khoản 1, 2, 5 Điều 65 BLHS. Đề nghị xử phạt bị cáo Quảng Văn L từ 30 - 36 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 60 tháng.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 4 điều 348 BLHS.

Đề nghị áp dụng khoản 4 điều 328 BLTTHS trả tự do ngay tại phiên tòa cho các bị cáo Quảng Văn T, Quảng Văn L nếu không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Xử lý vật chứng:

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS và điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS: Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme C55, màu bạc, dạng cảm ứng (đang được niêm phong), bên trong gắn 01 sim có số thuê bao 0382.524.161, thu giữ của Quảng Văn T. 01 điện thoại di động cảm ứng, nhãn hiệu Xiaomi Mi 10T Pro, màu đen (đang được niêm phong), bên trong gắn 02 thẻ sim, số thuê bao 1: 0865.472.836, số thuê bao 2: 0343.512.810; Trả lại cho bị can Quảng Văn L: 01 Căn cước công dân mang tên Quảng Văn L; Giấy phép lái xe hạng C, số A.

Về án phí hình sự sơ thẩm:

Áp dụng Điều 135, Điều 136 BLTTHS, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc mỗi bị cáo phải nộp án phí HSST là 200.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Tuấn H2 có đơn xin xét xử vắng mặt giữ nguyên lời khai tại cơ quan điều tra, công ty đã nhận lại chiếc xe, không yêu cầu bị cáo bồi thường và không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình, không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh về tội danh, khung hình phạt; lời nói sau cùng các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt được cải tạo ngoài cộng đồng để lao động sản xuất và nuôi các con còn nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa, các bị cáo Quảng Văn T, Quảng Văn L đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. HĐXX thấy rằng lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa đã phù hợp với lời khai của các bị cáo ở tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, lời khai của những người liên quan là Nguyễn Minh T4, Vũ Minh H4, Tô Nhật M, Phạm Lê Tiến Đ, Đỗ Thị Hồng H3 về thời gian, địa điểm, cách thức các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Lời khai của các bị cáo cũng phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để xác định: Hồi 02 giờ 30 phút ngày 19/02/2025, tổ công tác của Đoàn Biên phòng S1, Bộ chỉ huy Bộ đội Biên Phòng tỉnh Điện Biên phối hợp với các lực lượng chức năng làm nhiệm vụ tại khu vực thuộc bản Nậm Chim 1, xã S, huyện N, tỉnh Điện Biên kiểm tra, phát hiện, bắt quả tang Quảng Văn L đang thực hiện hành vi tổ chức cho Nguyễn Minh T4, Vũ Minh H4, Tô Nhật M, Phạm Lê Tiến Đ và Đỗ Thị Hồng H3 xuất cảnh trái phép từ Việt Nam sang nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào theo sự chỉ đạo của Quảng Văn T, mục đích là để lấy tiền công.

HĐXX thấy rằng hành vi nêu trên của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*" theo quy định tại Điều 348 Bộ luật Hình sự. Do đó các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do pháp luật quy định. Các bị cáo đã thực hiện hành vi đưa năm người lên địa phận xã S để đối tượng ở nước ngoài đưa sang Lào nên phạm vào tình tiết định khung quy định tại điểm c khoản 2 Điều 348 Bộ luật Hình sự. Vì vậy cáo trạng truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2]. Xét tính chất vụ án và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

- Xét tính chất vụ án: Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh, cư trú ở Việt Nam là khách thể được luật hình sự bảo vệ, gây mất an toàn, an ninh trật tự xã hội, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Bởi vậy, cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi, tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo, nhằm cải tạo giáo dục các bị cáo và đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung trong tình hình hiện nay. Đây là vụ án đồng phạm, các bị cáo đều là người thực hành cùng trực tiếp thực hiện hành vi tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép từ Việt Nam sang Lào. Hành vi nêu trên của các bị cáo Quảng Văn T, Quảng Văn L là nguy hiểm cho xã hội, thuộc trường hợp rất nghiêm trọng. Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi đưa 5 người xuất cảnh trái phép từ Việt Nam sang Lào nhưng trên

đường đi thì bị phát hiện bắt giữ, chưa đưa được sang Lào nên thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt theo quy định tại điều Điều 15 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa bị kết án, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo Quảng Văn T ra đầu thú, là người có thành tích xuất sắc khi tham gia Đại hội thể dục thể thao lần thứ IX của tỉnh Điện Biên năm 2014 đạt được 02 huy chương vàng, gồm: 01 huy chương vàng môn đẩy gậy nam và 01 huy chương vàng môn kéo co đồng đội nam; Đại hội thể dục thể thao lần thứ XI năm 2021 do huyện Đ tổ chức, T đạt được 02 huy chương đồng, trong đó 01 huy chương thuộc môn đẩy gậy nam và 01 huy chương đồng thuộc môn kéo co đồng đội nam. Bị cáo T có ông nội tên Quảng Văn S được tặng Huy chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng nhì; ông ngoại tên Quảng Văn P1 được Chính phủ Lào tặng Huy chương kháng chiến chống Mỹ; bố vợ tên Quảng Văn C được tặng huy chương chiến sỹ vẻ vang hạng ba. Bị cáo L có ông nội tên Quảng Văn S được tặng Huy chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng nhì; ông ngoại tên Lò Văn T7 được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo theo quy định pháp luật. Các bị cáo có con còn nhỏ, vợ không có nghề nghiệp ổn định, phạm tội lần đầu. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo Quảng Văn T, Quảng Văn L. Đối với bị cáo Quảng Văn T được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 BLHS. Các bị cáo phạm tội chưa đạt do vậy cần áp dụng Điều 15, khoản 3 Điều 57 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo khi quyết định hình phạt. Xét thấy các bị cáo đều có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, do vậy HĐXX xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội, để các bị cáo cải tạo ở cộng đồng cũng đủ điều kiện giáo dục cải tạo các bị cáo, tạo điều kiện để các bị cáo làm ăn, nuôi dạy các con còn nhỏ.

[3]. Về xử lý vật chứng

Quá trình điều tra xác định chiếc xe ô tô nhãn hiệu Kia Soluto, màu xanh, biển kiểm soát 35E - 001.76 và các giấy tờ kèm theo là của Công ty TNHH M1 tại Điện Biên (Theo Hợp đồng thuê xe số 08/2022/HĐTX-MLDB ngày 01/12/2022 giữa Công ty TNHH M1 và Công ty M1 tại Điện Biên), sau đó giao cho Quảng Văn L là lái xe hợp đồng của Công ty TNHH M1. Tuy nhiên vào ngày 18/02/2025, Quảng Văn L không thông báo cho Công ty M1 về việc đón, chở 05 người trên để những người này xuất cảnh trái phép sang Lào và Công ty không biết việc L sử dụng chiếc xe trên vào việc phạm tội. Cơ quan An ninh điều tra, Công an tỉnh Điện Biên đã ra trả lại cho ông Nguyễn Tuấn H2, sinh năm 1985, trú tại tổ A, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên - Giám đốc Công ty TNHH M1 tại Điện Biên theo quy định. Tại đơn xin xét xử vắng mặt ông

Nguyễn Tuấn H2 khẳng định không có yêu cầu gì khác, không yêu cầu các bị cáo bồi thường do vậy HĐXX không xem xét giải quyết.

Đối với 01 điện thoại di động cảm ứng nhãn hiệu Iphone 11 màu xanh, tạm giữ của Tô Nhật M; 01 điện thoại di động cảm ứng nhãn hiệu Iphone 16 Plus, màu hồng, tạm giữ của Đỗ Thị Hồng H3 và 01 điện thoại di động cảm ứng nhãn hiệu OPPO A12 màu xanh, tạm giữ của Nguyễn Minh T4. Cơ quan An ninh điều tra, Công an tỉnh Điện Biên đã trả lại cho Tô Nhật M, Đỗ Thị Hồng H3 và Nguyễn Minh T4 theo quy định.

Đối với điện thoại di động nhãn hiệu Realme C55, màu bạc, dạng cảm ứng (đang được niêm phong), bên trong gắn 01 sim có số thuê bao 0382.524.161, thu giữ của Quảng Văn T, 01 điện thoại di động cảm ứng, nhãn hiệu Xiaomi Mi 10T Pro, màu đen (đang được niêm phong), bên trong gắn 02 thẻ sim, số thuê bao 1: 0865.472.836, số thuê bao 2: 0343.512.810 thu giữ của Quảng Văn L đều là công cụ phương tiện phạm tội cần tịch thu sung ngân sách nhà nước theo quy định điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS và điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

Đối với 01 căn cước công dân mang tên Quảng Văn L; Giấy phép lái xe hạng C, số A là giấy tờ không liên quan đến việc phạm tội cần trả lại cho bị cáo Quảng Văn L theo quy định điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS.

[4]. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Các bị cáo mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí HSST.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[6]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Điện Biên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện theo đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, phù hợp với các quy định của pháp luật.

[7]. Các vấn đề khác:

Đối với người đàn ông khoảng hơn 50 tuổi bên nước Lào, là người đã đặt vấn đề thuê T tổ chức đưa 05 người xuất cảnh trái phép từ Việt Nam sang Lào nhưng T không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể của người này nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để tiến hành các hoạt động điều tra, xác minh, xử lý theo quy định.

Đối với Bùi Quang T5, sinh năm 2005, trú tại tổ C, phường C, thị xã N, tỉnh Yên Bái là người rủ Nguyễn Minh T4 và Vũ Minh H4 sang Lào làm việc.

Cơ quan điều tra đã nhiều lần xác minh T5 vắng mặt tại nơi cư trú, chính quyền và gia đình không liên lạc được. Do đó Cơ quan điều tra không có đủ căn cứ để điều tra, xác minh, xử lý theo quy định.

Đối với người đàn ông có tên “Long T8” và người đàn ông tên A, khoảng 30 tuổi, trú tại thành phố T, thành phố Hải Phòng là người rủ Tô Nhật M và Phạm Lê Tiến Đ và người đàn ông quốc tịch Trung Quốc, là người rủ H3 để xuất cảnh trái phép từ Việt Nam sang Lào nhưng M và Đ, H3 không biết rõ địa chỉ, tên tuổi cụ thể. Do đó Cơ quan điều tra không có cứ điều tra, xác minh, xử lý theo quy định.

Đối với Nguyễn Minh T4, Vũ Minh H4, Tô Nhật M, Phạm Lê Tiến Đ và Đỗ Thị Hồng H3 chưa xuất cảnh trái phép sang Lào, vừa mới đến khu vực biên giới không có thời gian lưu trú ở đây thì bị phát hiện, ngăn chặn nên Cơ quan điều tra không đặt vấn đề xử phạt vi phạm hành chính hành vi xuất cảnh trái phép đối với T4, H4, M, Đ và H3.

Đối với hành vi tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép vào Việt Nam của T và L chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên không đủ căn cứ để xử lý theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 348 của Bộ luật Hình sự.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Quàng Văn T, Quàng Văn L đều phạm tội: Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép.

2. Về hình phạt: Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 348; điểm s, điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 15; Điều 38; khoản 3 Điều 57; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 BLHS. Xử phạt bị cáo Quàng Văn T 36 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 60 tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 15; khoản 3 Điều 57; Điều 38; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 BLHS. Xử phạt bị cáo Quàng Văn L 36 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 60 tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Quàng Văn T, Quàng Văn L cho UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong quản lý giáo dục các bị cáo. Trường hợp người được hưởng án treo vắng mặt tại nơi cư trú, hoặc thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ khoản 4 điều 328 BLTTHS trả tự do ngay tại phiên toà cho các bị cáo Quảng Văn T, Quảng Văn L nếu không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 125 BLTTHS. Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn tạm giam đối với các bị cáo Quảng Văn T, Quảng Văn L tại Lệnh tạm giam số 12/LTG-ANĐT-Đ2 ngày 27/02/2025, Lệnh tạm giam số 13/LTG-ANĐT-Đ2 ngày 27/02/2025 của Cơ quan An ninh điều tra, Công an tỉnh Điện Biên.

3. Xử lý vật chứng:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS và điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS:

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme C55, màu bạc, dạng cảm ứng, số IMEI 1: 866865066406439, số IMEI 2: 866865066406421, điện thoại cũ đã qua sử dụng, bên trong có lắp 01 sim có số thuê bao 0382.524.161, thu giữ của Quảng Văn T; 01 điện thoại di động cảm ứng, nhãn hiệu Xiaomi Mi 10T Pro, màu đen, số IMEI 1: 866228051569853, số IMEI 2: 866228051569861 bên trong lắp 02 thẻ sim V1, số thuê bao 1: 0865.472.836, số thuê bao 2: 0343.512.810 đã cũ, đã qua sử dụng.

- Trả lại cho bị cáo Quảng Văn L: 01 Căn cước công dân mang tên Quảng Văn L; 01 Giấy phép lái xe hạng C, số 110135000342 mang tên Quảng Văn L.

4. Về án phí

Áp dụng điều 135, điều 136 BLTTHS, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình lên Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Công an tỉnh Điện Biên;
- Các bị cáo;
- Người có QL, NVLQ;
- Trại tạm giam CA tỉnh Điện Biên;
- Cục THA dân sự tỉnh Điện Biên;
- UBND xã T, huyện Đ;
- Vụ GDKT I – TANDTC;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Tiến Hưng